

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia  
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Thực hiện Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày

16/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Chương trình), trên cơ sở bám sát, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

b) Tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và Nhân dân trong tỉnh về ý nghĩa, mục đích, chủ trương giảm nghèo của Đảng, Nhà nước; đẩy mạnh các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thực hiện công tác giảm nghèo, với phương châm: “Giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn”.

c) Trên cơ sở Kế hoạch này, các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan xác định nhiệm vụ trọng tâm, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện thắng lợi Kế hoạch.

### **2. Yêu cầu**

a) Các Sở, Ban, ngành, địa phương đơn vị liên quan bám sát các nhiệm vụ, giải pháp để triển khai Kế hoạch; khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế sẵn có của địa phương; đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương; phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và địa phương trong triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Thực hiện công tác giảm nghèo phải theo địa chỉ, theo nguyên nhân căn cơ (thu nhập, thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản), theo nguyện vọng và đúng thực chất, không chạy theo thành tích. Xây dựng các giải pháp hỗ trợ cụ thể cho từng nhóm đối tượng trên cơ sở các chính sách giảm nghèo hiện hành và nhu cầu của từng hộ nghèo, hộ cận nghèo. Ưu tiên hỗ trợ, đầu tư cho cộng đồng, nhóm hộ có liên kết, theo chuỗi giá trị, các dự án giảm nghèo hiệu quả.

c) Tăng cường huy động xã hội hóa và lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình, dự án, đề án khác để đảm bảo thực hiện hoàn thành và vượt các chỉ tiêu, các mục tiêu của Kế hoạch.

d) Xác định rõ vai trò của các tổ chức Đảng, các cấp chính quyền, người đứng đầu các cấp ủy đảng, chính quyền và thủ trưởng các đơn vị, địa phương đối với công tác giảm nghèo bền vững. Tạo sự gắn kết, phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, Ban, ngành, địa phương đơn vị liên quan. Huy động các cấp, các ngành vào cuộc để chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra. Định kỳ tổ chức đánh giá, đảm bảo được chế độ thông tin, báo cáo kịp thời theo quy định.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN**

### **1. Đối tượng thực hiện**

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn.

- Các huyện nghèo trên địa bàn tỉnh gồm: Huyện Đăk Glông, huyện Tuy Đức (theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- Huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện nghèo; các tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Phạm vi thực hiện: Kế hoạch được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, trọng tâm là huyện nghèo.

3. Thời gian thực hiện: Đến hết năm 2025.

## **III. MỤC TIÊU**

1. Mục tiêu tổng quát: Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo; tạo sinh kế và tạo điều kiện tốt nhất để người nghèo được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo hướng toàn diện; cải thiện tốt nhất đời sống vật chất - tinh thần cho mọi người dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững, nhằm hướng đến và góp phần đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đăk Nông lần thứ XII đề ra, đưa Đăk Nông “trở thành tỉnh trung bình khá vào năm 2025 và tỉnh phát triển khá vào năm 2030 của vùng Tây Nguyên”.

2. Mục tiêu cụ thể: Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm từ 3% trở lên, riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (theo chuẩn nghèo áp dụng giai đoạn 2021-2025).

3. Các chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2025

a) Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về tiêu chí thu nhập được hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản sẽ được hỗ trợ một phần để từng bước cải thiện và tiếp cận các dịch vụ về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

- 100% các xã thuộc huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi.

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Phần đầu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.

- Phần đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- Chiều thiếu hụt về việc làm:

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

+ Tối thiểu có 4.000 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Theo số liệu rà soát hộ nghèo, cận nghèo cuối năm 2021 toàn tỉnh có 4.597 người nghèo thiếu hụt chiều việc làm

+ Tối thiểu có 500 người lao động tại các xã thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn được hỗ trợ đào tạo; trong đó, có khoảng 100 lao động thuộc hộ nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng<sup>2</sup>.

- Chiếu thiếu hụt về y tế:

+ 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo xuống dưới 34%.

- Chiếu thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90%.

+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60%; trong đó, có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%. 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiếu thiếu hụt về nhà ở: Tối thiểu 50% hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững<sup>3</sup>.

- Chiếu thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh<sup>4</sup>.

- Chiếu thiếu hụt về thông tin: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông<sup>5</sup>.

- Triển khai thực hiện chính sách xã hội đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; thực hiện chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận chính sách.

#### **IV. TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH CỤ THỂ**

##### **1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn**

###### **a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**

<sup>2</sup> Theo số liệu rà soát hộ nghèo, cận nghèo cuối năm 2021, toàn tỉnh có 2.444 người nghèo thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thiếu hụt chiếu việc làm.

<sup>3</sup> Theo số liệu rà soát hộ nghèo, cận nghèo cuối năm 2021, toàn tỉnh có 8.491 hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về nhà ở.

<sup>4</sup> Theo số liệu rà soát hộ nghèo, cận nghèo cuối năm 2021, toàn tỉnh có 15.162 hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt chiếu nguồn nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh.

<sup>5</sup> Theo số liệu rà soát hộ nghèo, cận nghèo cuối năm 2021, toàn tỉnh có 6.131 hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về sử dụng dịch vụ viễn thông và phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

- Mục tiêu: Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn các huyện nghèo; hỗ trợ các địa bàn nghèo phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Đối tượng: Các huyện nghèo gồm huyện Đăk Glông và huyện Tuy Đức.

- Nội dung hỗ trợ: Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm:

+ Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất.

+ Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia.

+ Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia.

+ Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân.

+ Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất.

+ Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao.

+ Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn huyện nghèo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

+ Yêu cầu các công trình đầu tư phải đảm bảo tính kết nối về giao thông, kinh tế, xã hội để hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, dịch vụ, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản liên xã, giữa xã với huyện hoặc kết nối huyện với các khu vực trung tâm, vùng động lực phát triển; công trình đầu tư phải phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Kinh phí: Dự kiến nhu cầu vốn thực hiện cả giai đoạn là 430.400 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 391.272 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 376.196 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 15.076 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 39.128 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 37.620 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 1.508 triệu đồng).

b) Tiểu dự án 2: Triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Mục tiêu: Hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng: Huyện Đăk Glong là huyện nghèo đăng ký kế hoạch thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 được Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022.

- Nội dung hỗ trợ: Đầu tư trọng tâm, trọng điểm một số công trình, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) nhằm tạo sự đột phá, thúc đẩy hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân theo đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Kinh phí: Dự kiến nhu cầu vốn thực hiện cả giai đoạn 51.270 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 46.609 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 45.290 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 1.319 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 4.661 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 4.529 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 132 triệu đồng).

## **2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh; người dân

sinh sống trên địa bàn huyện nghèo. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện nghèo; mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

#### c) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và quy định của pháp luật.

#### d) Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

đ) Kinh phí: Dự kiến nhu cầu vốn thực hiện cả giai đoạn 57.268 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 52.064 triệu đồng (vốn sự nghiệp).



+ Ngân sách địa phương: 5.204 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

### **3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

#### **a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**

- Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

- Đối tượng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định.

+ Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

+ Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Kinh phí: Dự kiến nhu cầu vốn thực hiện cả giai đoạn là 24.780 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 22.524 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 2.256 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

#### **b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng**

- Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc

hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Đối tượng:

+ Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

- Phân công thực hiện:

+ Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Y tế chủ trì phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Kinh phí: Dự kiến nhu cầu vốn thực hiện cả giai đoạn là 22.000 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 20.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 2.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

#### **4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Đối tượng:

+ Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp.

+ Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan.

+ Các Sở, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

+ Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn tỉnh.

+ Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Kinh phí: Dự kiến nhu cầu vốn thực hiện cả giai đoạn là 144.616 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 131.468 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 69.924 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 61.544 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 13.148 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 6.992 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 6.156 triệu đồng).

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện nghèo.

- Đối tượng:

+ Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn các huyện nghèo (không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030); ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

+ Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động.

+ Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Kinh phí: Dự kiến nhu cầu vốn thực hiện cả giai đoạn là 2.068 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 1.880 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 188 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Đối tượng:

+ Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm và cơ quan, tổ chức có liên quan.

- + Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.
- Nội dung hỗ trợ:
  - + Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.
  - + Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc.
  - + Hỗ trợ giao dịch việc làm.
  - + Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.
  - + Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.
  - + Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.
  - Phân công thực hiện:
    - + Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan liên quan tổ chức thực hiện.
    - + Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.
  - Kinh phí: Dự kiến nhu cầu vốn thực hiện cả giai đoạn là 22.123 triệu đồng, trong đó:
    - + Ngân sách trung ương: 20.113 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 10.781 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 9.332 triệu đồng).
    - + Ngân sách địa phương: 2.010 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 1.078 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 932 triệu đồng).

**5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (nguồn vốn trung ương hỗ trợ theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ)**

- Mục tiêu: Hỗ trợ nhà ở cho khoảng 100% hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021-2025) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm.

+ Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

- Nội dung hỗ trợ: Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m<sup>2</sup>, đạt tiêu chuẩn “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Kinh tế - hạ tầng chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Kinh phí: Dự kiến nhu cầu vốn thực hiện cả giai đoạn là 115.940 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 105.400 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Ngân sách địa phương: 10.540 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

## **6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Mục tiêu:

+ Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin.

+ Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

+ Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, biên giới; thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

+ Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

- Đối tượng:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Các huyện nghèo; khu vực biên giới.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.

+ Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới.

+ Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh cấp xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội.

+ Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Kinh phí: Dự kiến nhu cầu vốn thực hiện cả giai đoạn là 1.556 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 1.416 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 140 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Đối tượng:

+ Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thực hiện việc thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở.

+ Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Thông tin, các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Kinh phí: Dự kiến nhu cầu vốn thực hiện cả giai đoạn là 1.944 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 1.768 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 176 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

### **7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

Tổng kinh phí thực hiện: Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 19.252 triệu đồng, trong đó, ngân sách trung ương: 17.504 triệu đồng (vốn sự nghiệp); ngân sách địa phương: 1.748 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

Thực hiện các nhiệm vụ tại Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình và Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá Chương trình, cụ thể như sau:

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.



- Đối tượng:

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế có hoàn cảnh khó khăn.

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá Chương trình

- Mục tiêu:

+ Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

+ Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Đối tượng:

+ Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ

ché báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất.

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp.

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch cho cả giai đoạn 2021-2025 là 893.217 triệu đồng. Trong đó, ngân sách trung ương: 812.018 triệu đồng; ngân sách đối ứng của địa phương: 81.199 triệu đồng (*có phụ biểu chi tiết đính kèm*).

2. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch gồm: Nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ hàng năm cho các địa phương, đơn vị thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (địa phương bố trí tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ); vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích huy động nguồn lực xã hội từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ nhiệm vụ được phân công, các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan chủ động xây dựng kế hoạch triển khai và bảo vệ kinh phí thực hiện trong dự toán hàng năm theo phân cấp ngân sách.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các hoạt động tại địa phương theo quy định.

## VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phân bổ nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

2. Tổ chức thực hiện các nội dung, dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm, điều kiện huyện nghèo; khắc phục tình

trạng đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí; không sử dụng vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên; ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ có định mức cao hơn; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

3. Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

4. Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, vùng, miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

5. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện.

6. Xác định nguồn ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí vốn đối ứng hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

7. Lòng ghép hiệu quả nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn các huyện nghèo.

8. Trên cơ sở tổng nguồn lực được giao, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động bố trí ngân sách, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch từng năm để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Là Cơ quan Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình, kế hoạch giai đoạn và kế hoạch hàng năm theo quy định.

- Thực hiện các dự án được giao tại Kế hoạch.

- Xây dựng phương án giao chỉ tiêu phân đầu, nhiệm vụ cụ thể hàng năm và giai đoạn 2021-2025 cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện.

- Thực hiện và hướng dẫn các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện sơ kết, tổng kết hàng năm và giai đoạn gắn với thi đua khen thưởng kịp thời.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí vốn, thẩm định nguồn vốn đầu tư Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, thẩm định, bố trí vốn sự nghiệp của Chương trình. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3- Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Tiểu dự án thuộc lĩnh vực chủ trì đối với các địa phương, đơn vị thực hiện dự án.

5. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách hỗ trợ y tế cho người nghèo, người cận nghèo. Chủ trì thực hiện và hướng dẫn các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện hoạt động Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3- Cải thiện dinh dưỡng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3.

6. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì thực hiện và hướng dẫn các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6- Giảm nghèo về thông tin; kiểm tra, giám sát việc thực hiện Tiểu dự án thuộc lĩnh vực chủ trì đối với các địa phương, đơn vị thực hiện dự án.

7. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan thực hiện Dự án 5- Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Tiểu dự án thuộc lĩnh vực chủ trì đối với các địa phương, đơn vị thực hiện dự án.

8. Các Sở, Ban, ngành, đơn vị có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm rà soát, xây dựng, hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo gắn với chính sách, chương trình và kế hoạch của đơn vị.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, doanh nghiệp và toàn dân hưởng ứng, tham gia phong trào “ Chung tay vì người nghèo - Không để ai bỏ lại phía sau” đảm bảo phù hợp, hiệu quả. Vận động tổ chức, cá nhân tham gia giúp đỡ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững. Phối hợp thực hiện việc tuyên truyền, giám sát, phản biện trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

## 10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; ưu tiên các nguồn lực cho công tác giảm nghèo; xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giảm nghèo giai đoạn và hàng năm của địa phương phù hợp với đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội, cụ thể hóa các mục tiêu, giải pháp giảm nghèo vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đảm bảo hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm và giai đoạn của Chương trình đề ra.

- Phối hợp với các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn. Tổ chức huy động nguồn lực từ các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp... cho Chương trình.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình.

## VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan thực hiện công tác báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 10/6 hàng năm), 01 năm (trước ngày 10/12 hàng năm) gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2021-2025. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo yêu cầu. /

### Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông; Đài PT&TH Đắk Nông;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, các Phòng CM, KGVX(Hp).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Hồ Văn Mười



**DỰ TOÁN KINH PHÍ**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Kế hoạch số: 492/KH-UBND ngày 25 /8/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Chính sách, dự án giảm nghèo	Đơn vị tính	Tổng vốn trung ương và địa phương thực hiện cả giai đoạn 2021-2025			Trong đó: Ngân sách trung ương			Trong đó: Ngân sách địa phương		
			Tổng	Vốn đầu tư - phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng vốn trung ương	Trong đó: Vốn đầu tư - phát triển	Trong đó: Vốn sự nghiệp	Tổng vốn địa phương	Trong đó: Vốn đầu tư - phát triển	Trong đó: Vốn sự nghiệp
I	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</b>	Triệu đồng									
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	Triệu đồng	430.400	413.816	16.584	391.272	376.196	15.076	39.128	37.620	1.508
2	Tiểu dự án 2: Triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	Triệu đồng	51.270	49.819	1.451	46.609	45.290	1.319	4.661	4.529	132
II	<b>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo</b>	Triệu đồng	57.268	0	57.268	52.064	0	52.064	5.204	0	5.204
III	<b>Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng</b>	Triệu đồng									
1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Triệu đồng	24.780	0	24.780	22.524		22.524	2.256		2.256
2	Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng	Triệu đồng	22.000	0	22.000	20.000		20.000	2.000		2.000
IV	<b>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững</b>	Triệu đồng									



1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	Triệu đồng	144.616	76.916	67.700	131.468	69.924	61.544	13.148	6.992	6.156
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Triệu đồng	2.068	0	2.068	1.880		1.880	188		188
3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	Triệu đồng	22.123	11.859	10.264	20.113	10.781	9.332	2.010	1.078	932
V	<b>Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo</b>	Triệu đồng	115.940	0	115.940	105.400		105.400	10.540		10.540
VI	<b>Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</b>	Triệu đồng									
1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	Triệu đồng	1.556	0	1.556	1.416		1.416	140		140
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về Giảm nghèo đa chiều	Triệu đồng	1.944	0	1.944	1.768		1.768	176		176
VII	<b>Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình</b>	Triệu đồng	19.252	0	19.252	17.504		17.504	1.748		1.748
<b>Tổng kinh phí thực hiện</b>		Triệu đồng	<b>893.217</b>	<b>552.410</b>	<b>340.807</b>	<b>812.018</b>	<b>502.191</b>	<b>309.827</b>	<b>81.199</b>	<b>50.219</b>	<b>30.980</b>

